



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 263 + 264 (01/10/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|---|
| 23-9-2009- | Quyết định số 4404/QĐ-UBND về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh. | 2 |
|------------|---|---|

8. Thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (theo mẫu);

+ Giấy phép đã được cấp;

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

+ Báo cáo việc thực hiện các kết quả quy định trong giấy phép (theo mẫu);

+ Đề án xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép (theo mẫu);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính

- *Lệ phí (nếu có)*:

a) Phí thẩm định hồ sơ cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bằng 50% mức phí tương ứng mức phí cấp phép lần đầu.

b) Lệ phí cấp phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bằng 50% mức thu cấp giấy phép lần đầu.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo thực hiện các quy định trong giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (đính kèm);

+ Mẫu Đề án xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09/02/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 04-a/GĐXNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

Kính gửi: (tên cơ quan cấp phép)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại..... fax:..... Email:

1.4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số.....do (tên cơ quan đã cấp giấy phép)..... ngày tháng năm

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....
.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
.....
.....

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) đã sao gửi 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường.....¹

(Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngàytháng.....năm.....

Tên chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

¹ Phần ghi này áp dụng cho trường hợp cơ quan tiếp nhận là Cục Quản lý Tài nguyên nước; Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép sao gửi một bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đề nghị xả nước thải vào nguồn nước.

Mẫu số 04-b/GĐXNT

**HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**
(*đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung
giấy phép xả nước thải vào nguồn nước*)

1. Thông tin chung về cơ sở xả nước thải (*Tên, địa chỉ, fax, số giấy phép xả nước thải đã được cấp...*).

2. Tình hình xả nước thải vào nguồn nước:

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí nơi xả nước thải:

Thôn.....xã/phường.....quận/huyện.....tỉnh/thành phố.....

Tọa độ vị trí xả thải (VN2000): X..... Y....

- Phương thức xả nước thải: (*bao gồm cả chế độ và phương thức xả*)

- Lưu lượng nước thải:

- Thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Thông số	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ của chủ giấy phép:

- Tình hình thực hiện trách nhiệm và yêu cầu của cơ quan cấp phép ghi trong nội dung giấy phép:

- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Mẫu số 04-c/GĐXNT

HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ ÁN XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(*đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép
xả nước thải vào nguồn nước*)

Mở đầu:

- Thông tin chung về cơ sở xả nước thải: (*tên, địa chỉ, fax, lĩnh vực sản xuất/kinh doanh...*)
- Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của cơ sở xả nước thải
- Đánh giá hiện trạng hệ thống công trình xả nước thải: *hiệu quả xử lý nước thải, khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý và xả nước thải, dự kiến nâng cấp cải tạo.....*
- Nội dung yêu cầu thay đổi trong giấy phép

Chương I. Tình hình xả nước thải và hiện trạng chất lượng nguồn nước tiếp nhận

1. Tình hình xả nước thải vào nguồn nước

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải:
- Vị trí nơi xả nước thải:
Thôn.....xã/phường.....quận/huyện.....tỉnh/thành phố.....
- Tọa độ vị trí xả thải (VN2000): X..... Y....
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông).....*
- Chế độ xả nước thải: *chu kỳ xả và thời gian xả nước thải*
- Lưu lượng nước xả thải: *lưu lượng xả bình quân và lưu lượng xả lớn nhất.*
- Thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Thông số	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú

2. Mô tả các nguồn thải lân cận cùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải (bán kính khoảng 1km)

- Thống kê số nguồn thải
- Mô tả sơ bộ từng nguồn thải: Đặc trưng của nguồn thải (*nguồn thải từ hoạt động sản xuất gì? Các thông số ô nhiễm đặc trưng.....*), lưu lượng nước xả thải ước tính, khoảng cách tương đối đến vị trí xin phép xả nước thải (*nêu rõ phía trên hay dưới vị trí xin phép xả nước thải đối với nguồn tiếp nhận nước thải là sông*).

3. Đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Phân tích tài liệu, số liệu liên quan đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận theo TCVN hiện hành với các mục đích sử dụng khác nhau (*theo không gian và thời gian*).

4. Đánh giá tác động của hiện trạng xả nước thải đến nguồn nước tiếp nhận

- Tác động chất lượng nước nguồn nước tiếp nhận
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thủy sinh
- Tác động đến chế độ thủy văn dòng chảy

Chương II. Hệ thống công trình xử lý, xả nước thải dự kiến và tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước (nếu việc điều chỉnh nội dung giấy phép có thay đổi hệ thống công trình xử lý, xả nước thải).

1. Hệ thống xử lý nước thải

- Mô tả hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong cơ sở xả thải
- Mô tả chi tiết công nghệ xử lý nước thải: *Quy mô, quy trình và biện pháp công nghệ xử lý nước thải,...*

2. Mô tả công trình xả nước thải

- Mô tả hệ thống công trình xả nước thải (*các thông số kỹ thuật, thông số thiết kế của kênh xả, cửa xả nước thải....*)
- Phương thức xả nước thải: *bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa hồ, sông...*

3. Tác động của việc xả nước thải vào nguồn nước

- Tác động đến mục tiêu chất lượng nước của nguồn nước
- Tác động đến môi trường và hệ sinh thái thủy sinh
- Tác động đến chế độ thủy văn dòng chảy
- Đánh giá các tác động tổng hợp

Chương III. Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận do xả nước thải

1. Kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.
- Dự trù kinh phí và thời hạn kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải.

2. Chương trình quan trắc và kiểm soát nước thải và nguồn tiếp nhận

- Quan trắc quy trình vận hành xử lý nước thải
- Quan trắc chất lượng nước trước và sau khi xử lý
- Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải

Kết luận và kiến nghị

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin thay đổi nội dung giấy phép (thời gian lấy mẫu phân tích không quá 15 ngày trước thời điểm nộp hồ sơ) - Các thông số bắt buộc phải phân tích là các thông số theo TCVN hiện hành về chất lượng nước (áp dụng phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận như nguồn nước sử dụng vào mục đích cấp cho sinh hoạt, thể thao và giải trí dưới nước, thủy lợi hay bảo vệ đời sống thủy sinh)
2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau quá trình xử lý theo quy định của Nhà nước (các thông số bắt buộc phân tích là các thông số theo tiêu chuẩn chất lượng nước thải của Việt Nam hiện hành).
3. Sơ đồ vị trí lấy mẫu và báo cáo mô tả thời điểm lấy mẫu nguồn nước tiếp nhận ngoài hiện trường: Thời tiết, hiện trạng của nguồn thải có liên quan đến vị trí lấy mẫu
4. Bản đồ vị trí công trình xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 (nếu nội dung điều chỉnh là thay đổi vị trí xả nước thải).
5. Bản thiết kế hệ thống xử lý nước thải dự kiến (nếu việc điều chỉnh nội dung giấy phép có thay đổi hệ thống công trình xử lý, xả nước thải)
6. Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép xử nước thải.

9. Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo mẫu);

+ Bản sao có công chứng hoặc chứng thực quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao có công chứng hoặc chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật);

+ Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (theo mẫu);

+ Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (theo mẫu);

+ Biên nhận đóng phạt và quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp đã hành nghề nhưng không có giấy phép).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*:

a) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ.

b) Lệ phí cấp phép giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: 100.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (đính kèm);

+ Mẫu Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (đính kèm);

+ Mẫu Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

a) Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền, trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất;

b) Người đứng đầu tổ chức là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

* Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

* Đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất mười (10) công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất.

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa:

* Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

* Đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất năm (05) năm công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m³/ ngày đêm trở lên.

+ Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải là người của tổ chức, cá nhân hành nghề hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân hành nghề theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm nộp hồ sơ, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải còn ít nhất là mười hai (12) tháng.

c) Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09/02/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu số 01a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại: Fax: E-mail:

1.4. Quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh số
ngày....tháng.... năm do (4)

2- Nội dung đề nghị cấp phép:

2.1. Quy mô hành nghề: (5)

2.2. Thời gian hành nghề: (6)

3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

.....
..... (7)

(*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (8)

(*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) có đủ máy móc thiết bị và năng lực chuyên môn để hành nghề khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất với các nội dung đề nghị cấp phép nêu trên.

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét và cấp giấy phép hành nghề cho (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

(*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng quy trình kỹ thuật khoan, các quy định về bảo vệ nguồn nước dưới đất và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

.....ngày....tháng....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép

(*ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*) (9)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

- (1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô lớn) hoặc UBND tỉnh/thành phố (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).
- (2) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép.
- (3) Ghi rõ địa chỉ (số nhà, đường phố/thôn/ấp, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/TP, tỉnh/TP) nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
- (4) Tên cơ quan ký quyết định thành lập tổ chức hoặc tên cơ quan cấp giấy đăng ký hoạt động kinh doanh.
- (5) Ghi rõ quy mô đề nghị cấp phép hành nghề là: nhỏ, vừa, hoặc lớn.
- (6) Ghi rõ số năm đề nghị cấp phép hành nghề (nhưng không quá 5 năm).
- (7) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.
- (8) Tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý Tài nguyên nước).
- (9) Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép thì phải có xác nhận của UBND cấp phường/xã/thị trấn nơi đăng ký địa chỉ thường trú.

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp phép gửi tới Cục Quản lý Tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố.

Mẫu số 01b

**BẢN KHAI NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CỦA (TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)**

1. Nguồn nhân lực:

- Giám đốc, phó giám đốc: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người:người, trong đó:

+ Số người có trình độ đại học trở lên:người;

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương: người;

- Liệt kê danh sách (họ tên, trình độ chuyên môn, số năm kinh nghiệm) những người có chuyên môn về địa chất, địa chất thủy văn, khoan. (1)

2. Máy móc, thiết bị chủ yếu:**a) Máy khoan**

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan (là tài sản của tổ chức, cá nhân)							

b) Các thiết bị khác

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết toàn bộ nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Nếu có dưới 10 người thì liệt kê toàn bộ danh sách, nếu có trên 10 người thì chỉ cần liệt kê tối đa 10 người chính.

Mẫu số 01c

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số chứng minh thư, ngày cấp, nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến dưới 3000 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:
10. Thống kê các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất đã trực tiếp tham gia thực hiện:

ST T	Nội dung công việc trực tiếp tham gia trong các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất				Thời gian (2)	Đơn vị thực hiện (3)
	Tên công trình	Vị trí (huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày	Nội dung công việc (1)		
1						
2						
3						
....						

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung bản tự khai này./.

.....ngày....tháng.....năm.....

Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép) Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc thi công....

(2) Ghi rõ tháng, năm tham gia thực hiện các nội dung công việc của công trình.

(3) Ghi rõ tên của tổ chức, cá nhân thực hiện công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất hoặc tự mình thực hiện.

10. Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo mẫu);

+ Bản sao giấy phép đã được cấp;

+ Bản tổng hợp các công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo mẫu);

+ Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài những điểm đã quy định, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

* Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

* Bản khai kinh nghiệm chuyên môn của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo mẫu).

+ Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép thì ngoài những tài liệu đã quy định, hồ sơ điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm:

* Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật (theo mẫu);

* Biên nhận đóng phạt và quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp đã hành nghề nhưng không có giấy phép).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*:

a) Phí thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung hành nghề khoan nước dưới đất bằng 50% mức phí tương ứng mức phí cấp phép lần đầu.

b) Lệ phí cấp phép hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung hành nghề khoan nước dưới đất bằng 50% mức thu cấp giấy phép lần đầu.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):*

+ Mẫu Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (đính kèm);

+ Mẫu Bảng tổng hợp các công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất đã thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép (đính kèm);

+ Mẫu Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (đính kèm);

+ Mẫu Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

a) Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền, trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất;

b) Người đứng đầu tổ chức là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

* Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

* Đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất mười (10) công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất.

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa:

* Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, địa chất thủy văn, khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề;

* Đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất năm (05) năm công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên.

+ Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải là người của tổ chức, cá nhân hành nghề hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân hành nghề theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp hợp đồng lao động là loại xác định thời hạn thì tại thời điểm nộp hồ sơ, thời hạn hiệu lực của hợp đồng lao động phải còn ít nhất là mười hai (12) tháng.

c) Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09/02/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: (1)

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại: Fax: E-mail:

1.4. Quyết định thành lập (hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh) số ngày tháng năm do (tên cơ quan ký quyết định thành lập hoặc tên cơ quan cấp giấy đăng ký hoạt động kinh doanh).

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (Giấy phép số, cấp ngày tháng năm, cơ quan cấp ...; quy mô hành nghề ..., thời gian hành nghề ...).

2. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép:

..... (2)

3. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

..... (3)

4. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: (ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 03 năm)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (ghi rõ quy mô đề nghị điều chỉnh).

5. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

..... (4)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (5)

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) có đủ năng lực chuyên môn kỹ thuật để hành nghề khoan nước dưới đất quy mô..... Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo những nội dung nêu trên.

(tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) cam kết chấp hành đúng nội dung quy định của giấy phép và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

- (1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu hành nghề với quy mô lớn) hoặc UBND tỉnh/thành phố (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).
- (2) Chủ giấy phép tự đánh giá về tình hình thực hiện quy định của giấy phép trong quá trình hành nghề như: tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan, bảo vệ nguồn nước dưới đất, về thực hiện chế độ báo cáo, kết quả các công trình thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất; về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan....
- (3) Nêu rõ những lý do: về thời hạn của giấy phép đã được cấp, thay đổi về năng lực chuyên môn kỹ thuật,... so với thời điểm được cấp giấy phép cũ,
- (4) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.
- (5) Tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý Tài nguyên nước).

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép gửi tới Cục Quản lý tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố.

Mẫu số 02b

TÊN CHỦ GIẤY PHÉPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH KHOAN THẨM DÒ,
KHOAN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ THỰC HIỆN
TRONG THỜI GIAN SỬ DỤNG GIẤY PHÉP
(từ tháng.../năm.....đến tháng.../năm....)**

TT	Tên công trình	Tên chủ công trình	Lưu lượng công trình (m ³ /ngày)	Số lượng giếng	Vị trí công trình		
					Xã/phường, thị trấn	Quận/huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh/thành phố
1							
2							
3							
4							
5							
6							
...							

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 01b

**BẢN KHAI NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT
HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CỦA (TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)**

1. Nguồn nhân lực:

- Giám đốc, phó giám đốc: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người:người, trong đó:

+ Số người có trình độ đại học trở lên:người;

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương: người;

- Liệt kê danh sách (họ tên, trình độ chuyên môn, số năm kinh nghiệm) những người có chuyên môn về địa chất, địa chất thủy văn, khoan. (1)

2. Máy móc, thiết bị chủ yếu:**a) Máy khoan**

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan (là tài sản của tổ chức, cá nhân)							

b) Các thiết bị khác

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết toàn bộ nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Nếu có dưới 10 người thì liệt kê toàn bộ danh sách, nếu có trên 10 người thì chỉ cần liệt kê tối đa 10 người chính.

Mẫu số 01c

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số chứng minh thư, ngày cấp, nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến dưới 3000 m³/ngày:
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:
10. Thống kê các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Nội dung công việc trực tiếp tham gia trong các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất				Thời gian (2)	Đơn vị thực hiện (3)
	Tên công trình	Vị trí (huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày	Nội dung công việc (1)		
1						
2						
3						
....						

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung bản tự khai này./.

.....ngày....tháng.....năm.....

Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc thi công....
- (2) Ghi rõ tháng, năm tham gia thực hiện các nội dung công việc của công trình.
- (3) Ghi rõ tên của tổ chức, cá nhân thực hiện công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất hoặc tự mình thực hiện.

IV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, ĐỊA CHẤT

1. Thủ tục cấp giấy phép khảo sát khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin khảo sát khoáng sản (theo mẫu), kèm theo bản đồ khu vực khảo sát;

+ Đề án khảo sát khoáng sản, trong đó nêu rõ cơ sở địa chất và các loại khoáng sản là đối tượng khảo sát, phương pháp và khối lượng khảo sát; thời hạn, tiến độ, dự toán chi phí khảo sát và nguồn tài chính (theo mẫu);

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của tổ chức xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phức tạp cần có thời gian xem xét thì thời gian có thể dài hơn nhưng không quá 90 ngày giải quyết cấp phép).

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 1.000.000 đồng/giấy phép

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin khảo sát khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Đề án khảo sát khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản.

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 02

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm....(Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có)

Xin được thăm dò (khảo sát) khoáng sản (tên khoáng sản) tại xã huyện..... tỉnh.....

Diện tích là.....(ha, km²)

Được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Thời gian là tháng, từ tháng năm đến tháng năm

Dự toán chi phí:

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-

-

(CHỦ ĐẦU TƯ)

ĐỀ ÁN THẨM DÒ (KHẢO SÁT)

(khoáng sản..., thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

Chữ ký, đóng dấu

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(ĐỊA DANH)

Năm 200...

NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ để lập đề án.
- Mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng khoáng sản.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

- Vị trí địa lý, tọa độ, diện tích của đề án.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực đề án.

CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

- Đặc điểm địa chất khu vực: trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, macma có trong vùng.
- Đặc điểm khoáng sản khu vực, bao gồm:
 - + Các biểu hiện, dấu hiệu, tiền đề có liên quan đến khoáng sản;
 - + Sự phân bố các dấu hiệu, biểu hiện khoáng sản trong khu vực đề án.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Cơ sở lựa chọn phương pháp kỹ thuật phải căn cứ vào mục tiêu, loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, mục đích và hiệu quả của phương pháp, tổ hợp các phương pháp kỹ thuật.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu);
 - Phương pháp địa chất;
 - Phương pháp địa hóa;
 - Phương pháp địa vật lý;
 - Công tác khoan và khai đào;
 - Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình;
 - Lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, nơi gửi phân tích và nơi kiểm tra phân tích nội bộ, ngoại bộ;
 - Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải ghi rõ số lượng, khối lượng cụ thể theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện. Các công trình dự kiến thi công bắt buộc phải thể hiện trên các bản đồ, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG IV BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án.
2. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG V DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến phương pháp, chỉ tiêu tính trữ lượng và triển vọng mục tiêu trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy trình, quy phạm, các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

CHƯƠNG VII DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất khu vực, bản đồ khoáng sản và các bản đồ vùng quặng, thân quặng các tỷ lệ.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản.
- Các bình đồ dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

2. Thủ tục gia hạn giấy phép khảo sát khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

+ Đơn xin gia hạn giấy phép khảo sát khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản và khối lượng công trình, kinh phí đã thực hiện đến thời điểm xin gia hạn (theo mẫu).

* Trong trường hợp giấy phép khảo sát khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì giấy phép đó tiếp tục có hiệu lực đến thời điểm có quyết định gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính

- *Lệ phí (nếu có)*: 500.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin gia hạn giấy phép khảo sát khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo hoạt động khảo sát khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN GIA HẠN (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP
THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Được phép thăm dò (khảo sát) (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện
....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò (khảo sát) khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm

Xin được gia hạn (cấp lại) Giấy phép thăm dò (khảo sát)..... tháng, từ ngày....
tháng.... năm.... đến ngày.... tháng..... năm.....

Đối với trường hợp xin gia hạn giấy phép thăm dò cần ghi rõ diện tích xin trả lại
là (ha, km²).

Diện tích tiếp tục thăm dò (khảo sát)..... (ha, km²), được giới hạn bởi các
điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Dự toán chi phí thăm dò (khảo sát):..... ĐVN .

Lý do xin gia hạn (cấp lại) giấy phép thăm dò (khảo sát):.....

.....
.....
.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật
về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, TP.HCM.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản và khối lượng công trình, kinh phí đã thực hiện đến thời điểm trả lại giấy phép (theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- *Kết quả thủ tục hành chính*: không có

- *Lệ phí (nếu có)*: không có

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo hoạt động khảo sát khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 04

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ (KHẢO SÁT)
KHOÁNG SẢN HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:

Xin được trả lại (tên giấy phép, số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp)

.....

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò cần làm rõ các nội dung sau:

- Diện tích xin trả lại là..... (ha, km²) thuộc Giấy phép thăm dò số.... ngày... tháng... năm.....

- Diện tích khu vực tiếp tục thăm dò là..... (ha, km²).

(Các diện tích xin trả lại và xin tiếp tục thăm dò phải có tọa độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ kèm theo.)

- Dự toán chi phí thăm dò tiếp tục..... ĐVN.)

Lý do xin trả lại

.....

.....

.....

.....

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-

-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Đề án thăm dò khoáng sản lập theo quy định (theo mẫu), kèm theo bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản;

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phức tạp cần có thời gian xem xét thì thời gian có thể dài hơn nhưng không quá 90 ngày giải quyết cấp phép).

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 2.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin thăm dò khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Đề án thăm dò khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải nộp tiền đặt cọc (25%) giá trị dự toán chi phí thăm dò của năm thăm dò đầu tiên tại kho bạc nhà nước, trừ trường hợp hoạt động thăm dò theo giấy phép được thực hiện bằng vốn của ngân sách nhà nước.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 02

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN XIN THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm...(Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có)

Xin được thăm dò (khảo sát) khoáng sản (tên khoáng sản) tại xã huyện..... tỉnh.....

Diện tích là.....(ha, km²)

Được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Thời gian là tháng, từ tháng năm đến tháng năm

Dự toán chi phí:

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -

(CHỦ ĐẦU TƯ)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ (KHẢO SÁT)

(khoáng sản..., thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

Chữ ký, đóng dấu

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(ĐỊA DANH)

Năm 200...

NỘI DUNG ĐỀ ÁN THẨM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ để lập đề án.
- Mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng khoáng sản.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

- Vị trí địa lý, tọa độ, diện tích của đề án.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực đề án.

CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

- Đặc điểm địa chất khu vực: trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, macma có trong vùng.
- Đặc điểm khoáng sản khu vực, bao gồm:
 - + Các biểu hiện, dấu hiệu, tiền đề có liên quan đến khoáng sản;
 - + Sự phân bố các dấu hiệu, biểu hiện khoáng sản trong khu vực đề án.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Cơ sở lựa chọn phương pháp kỹ thuật phải căn cứ vào mục tiêu, loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, mục đích và hiệu quả của phương pháp, tổ hợp các phương pháp kỹ thuật.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu);
 - Phương pháp địa chất;
 - Phương pháp địa hóa;
 - Phương pháp địa vật lý;
 - Công tác khoan và khai đào;
 - Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình;
 - Lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, nơi gửi phân tích và nơi kiểm tra phân tích nội bộ, ngoại bộ;
 - Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải ghi rõ số lượng, khối lượng cụ thể theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện. Các công trình dự kiến thi công bắt buộc phải thể hiện trên các bản đồ, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG IV BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án.
2. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG V DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến phương pháp, chỉ tiêu tính trữ lượng và triển vọng mục tiêu trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy trình, quy phạm, các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

CHƯƠNG VII DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất khu vực, bản đồ khoáng sản và các bản đồ vùng quặng, thân quặng các tỷ lệ.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản.
- Các bình đồ dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

5. Thủ tục cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng thăm dò tiếp tục (theo mẫu);

+ Bản đồ khu vực xin cấp lại giấy phép thăm dò.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 1.000.000 đồng/giấy phép

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng thăm dò tiếp tục (đính kèm);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 03

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN GIA HẠN (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP
THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Được phép thăm dò (khảo sát) (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện
....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò (khảo sát) khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm

Xin được gia hạn (cấp lại) Giấy phép thăm dò (khảo sát)..... tháng, từ ngày....
tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

Đối với trường hợp xin gia hạn giấy phép thăm dò cần ghi rõ diện tích xin trả lại
là (ha, km²).

Diện tích tiếp tục thăm dò (khảo sát)..... (ha, km²), được giới hạn bởi các
điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Dự toán chi phí thăm dò (khảo sát):..... ĐVN .

Lý do xin gia hạn (cấp lại) giấy phép thăm dò (khảo sát):.....

.....
.....
.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật
về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

+ Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng và chi phí thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng công việc và dự toán chi phí thăm dò tiếp tục (theo mẫu);

+ Bản đồ khu vực thăm dò, trong đó đã loại trừ ít nhất ba mươi phần trăm (30%) diện tích theo giấy phép được cấp trước đó.

Trong trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì giấy phép đó tiếp tục có hiệu lực đến thời điểm được gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính

- *Lệ phí (nếu có)*: 1.000.000 đồng/giấy phép

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Mẫu Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản (theo mẫu).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005.

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN GIA HẠN (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP
THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Được phép thăm dò (khảo sát) (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện
....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò (khảo sát) khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm

Xin được gia hạn (cấp lại) Giấy phép thăm dò (khảo sát)..... tháng, từ ngày....
tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

Đối với trường hợp xin gia hạn giấy phép thăm dò cần ghi rõ diện tích xin trả lại
là (ha, km²).

Diện tích tiếp tục thăm dò (khảo sát)..... (ha, km²), được giới hạn bởi các
điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Dự toán chi phí thăm dò (khảo sát):..... ĐVN .

Lý do xin gia hạn (cấp lại) giấy phép thăm dò (khảo sát):.....

.....
.....
.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật
về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

7. Thủ tục trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, TP.HCM.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, khối lượng công trình và chi phí thăm dò đã thực hiện đến thời điểm trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích ghi trong giấy phép (theo mẫu);

+ Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò; khối lượng công trình, dự toán và chương trình thăm dò tiếp tục (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: văn bản chấp thuận

- *Lệ phí (nếu có)*: không có

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản (đính kèm).

+ Mẫu Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP

ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 04

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ (KHẢO SÁT)
KHOÁNG SẢN HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:

Xin được trả lại (tên giấy phép, số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp)

.....

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò cần làm rõ các nội dung sau:

- Diện tích xin trả lại là..... (ha, km²) thuộc Giấy phép thăm dò số.... ngày... tháng... năm.....

- Diện tích khu vực tiếp tục thăm dò là..... (ha, km²).

(Các diện tích xin trả lại và xin tiếp tục thăm dò phải có tọa độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ kèm theo.)

- Dự toán chi phí thăm dò tiếp tục..... ĐVN.)

Lý do xin trả lại

.....

.....

.....

.....

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-

-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

8. Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (theo mẫu), kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản và bản kê giá trị tài sản sẽ chuyển nhượng;

+ Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình, chi phí đã thực hiện và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định đã hoàn thành đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền thăm dò (theo mẫu);

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

Việc chuyển nhượng quyền thăm dò được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép thăm dò thay thế giấy phép thăm dò đã cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 1.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (đính kèm).

+ Mẫu Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Xin được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản)
theo Giấy phép thăm dò số, ngày ... tháng ... năm để hoạt động thăm dò tại
xã....., huyện....., tỉnh

Thời hạn thăm dò tháng, từ tháng năm đến tháng năm.....

Tổ chức nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm...(Đăng ký kinh
doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu
tư).....(nếu có)

Kèm theo hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày.... tháng.... năm..... và các
văn bản khác liên quan.

Lý do xin chuyển nhượng quyền thăm dò:

.....
.....
.....

Thời gian bắt đầu được chuyển nhượng kể từ ngày.... tháng.... năm....

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

9. Thủ tục tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, TP.HCM.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản (theo mẫu);

+ Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình, chi phí đã thực hiện và chương trình tiếp tục thăm dò (theo mẫu);

+ Bản sao văn bản pháp lý có chứng thực của Công chứng nhà nước chứng minh tổ chức, cá nhân thừa kế hợp pháp quyền thăm dò khoáng sản;

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước của tổ chức được thừa kế hợp pháp.

Việc cho phép tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép thăm dò cho tổ chức thừa kế hợp pháp, thay thế giấy phép đã cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 1.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản (đính kèm).

+ Mẫu Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 06

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN
 QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Xin được tiếp tục thực hiện quyền thăm dò (tên khoáng sản) theo Giấy
 phép số ngày ... tháng năm tại xã, huyện....., tỉnh

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm...(Đăng ký kinh
 doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu
 tư).....(nếu có)

Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để hoạt
 động thăm dò (tên khoáng sản) tại xã huyện tỉnh

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh...) cho phép (Tên
 tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy
 phép nói trên.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo
 quy định của Giấy phép, quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp
 luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -
 -

MẪU SỐ 23

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ (KHẢO SÁT) KHOÁNG SẢN****I- Phần chung:**

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát):
2. Địa chỉ cơ quan:;
Điện thoại:; Fax:
3. Số giấy phép:..... ngày... tháng... năm.....;
Thời hạn giấy phép:tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép thăm dò (khảo sát):
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án thăm dò (khảo sát):

II- Khối lượng công tác thăm dò (khảo sát) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Số TT	Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
			Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện công dồn	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
4										
.										
.										

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò (khảo sát)
(Ký tên, đóng dấu)

10. Thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh..

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin khai thác khoáng sản (theo mẫu), kèm theo bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;

+ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản (theo mẫu), kèm theo quyết định phê duyệt theo quy định;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của công chứng nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước mà không phải là tổ chức đã được cấp giấy phép thăm dò hoặc bản sao giấy phép đầu tư có chứng thực của công chứng nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 60 - 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ tùy theo mức độ phức tạp của hồ sơ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 4.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin khai thác khoáng sản (đính kèm);

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản:

* Mẫu hướng dẫn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên (đính kèm).

* Mẫu hướng dẫn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ hầm lò (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.

* Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 07

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN XIN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm...(Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Giấy phép thăm dò số..... ngày.... tháng.... năm....

Báo cáo kết quả thăm dò do thành lập năm đã được phê duyệt theo Quyết định số ngày tháng năm của.....

Xin được khai thác (tên khoáng sản) tại mỏ thuộc xã huyện tỉnh

Diện tích khu vực xin khai thác:..... (ha, km²).

Được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng xin khai thác: (tấn, m³,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Thời hạn khai thác..... năm, từ tháng.... năm.... đến tháng..... năm.....

Đối với trường hợp xin khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

Số hiệu C.sâu Tọa độ Lưu lượng Hạ thấp Mức nước Ghi chú

GK GK(m) X Y (m³/ngày) Smax (m) tĩnh (m)

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN**PHẦN I: THUYẾT MINH DỰ ÁN****MỤC LỤC**

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	Khái quát chung về Dự án	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	Giải pháp kỹ thuật	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường.	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác.	
	5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ.	
	5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Công tác chế biến khoáng sản	
	6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	Phân tích tài chính	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế.	
IV	Kết luận và kiến nghị	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):
- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư, hoặc văn bản thoả thuận bổ sung quy hoạch, thoả thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất; thoả thuận về địa điểm; nguồn đầu nối điện, nước, giao thông và tài liệu mỏ khác của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm của dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế và cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và ngoài nước đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Xác định sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các chế độ, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển mỏ, các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong đầu tư.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư: Sử dụng trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành hay theo yêu cầu của thị trường.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm: Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như yêu cầu về trang, thiết bị để nêu ra những yêu cầu cần phải đáp ứng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ như: cung cấp điện, nước, nguyên, nhiên liệu (nếu có) và đưa ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích, lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất khoáng sản, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt kết quả xác định phương án chọn về mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu kết quả lựa chọn về phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Công tác chế biến khoáng sản: Mô tả tóm tắt phương pháp và sản phẩm của công tác chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Mô tả tóm tắt công tác sửa chữa, cơ điện và kho tàng.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc): Mô tả tóm tắt về giải pháp đáp ứng mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc - xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý. Giải pháp và tiến độ hoàn thổ môi trường, phục hồi môi sinh. (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động; Xác định sơ đồ và mô hình quản lý. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng.
- Chi phí thiết bị
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác (*trong đó không bao gồm: Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất và Lãi vay trong thời gian XD CB*).
- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất
- Lãi vay trong thời gian XD CB
- Chi phí dự phòng

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN

PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ

A. THUYẾT MINH

Mục lục

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Lời nói đầu	
	I. Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Mở mỏ và trình tự khai thác	
6	Chương 6. Hệ thống khai thác	
7	Chương 7. Vận tải trong mỏ	
8	Chương 8. Thải đất đá	
9	Chương 9. Thoát nước mỏ	
10	Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
11	Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản	
12	Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
13	Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
14	Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hóa	
15	Chương 15. Kiến trúc và xây dựng	
16	Chương 16. Cung cấp nước và thải nước	
17	Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
18	Chương 18. Tổ chức xây dựng	
19	Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
20	Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
21	Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế	
	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài thì Cơ quan lập Thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo “Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BXD ngày 07/4/2005 và Quyết định số 35/2006/QĐ-BXD ngày 22/11/2006 của Bộ Xây dựng.

PHẦN I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn. Trữ lượng địa chất đã được phê duyệt. Đánh giá mức độ thăm dò, độ tin cậy của tài liệu và kiến nghị bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

PHẦN II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích).

Trữ lượng khai trường bao gồm: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, các tồn thất, trữ lượng công nghiệp

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận khai thác, trực tiếp, gián tiếp và chế biến khoáng sản nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số công trường khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất được xác định theo quặng nguyên khai, tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn.

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác theo thiết kế (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Tuổi thọ của khu vực, tuổi thọ của toàn mỏ cần tính theo 2 phương án công suất để so sánh, lựa chọn.

Chương 5. Mở vỉa và trình tự khai thác

Phương án mở vỉa lựa chọn trên cơ sở điều kiện địa hình và đặc điểm thể nằm của vỉa khoáng sản.

Trình tự khai thác chung toàn mỏ và trình tự khai thác riêng cho từng công trường hoặc từng khai trường của mỏ.

Chương 6. Hệ thống khai thác

Lựa chọn hệ thống khai thác trên cơ sở điều kiện khai thác của mỏ. Tính toán các thông số của hệ thống khai thác đã lựa chọn: Chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc, góc nghiêng sườn tầng khai thác, góc nghiêng sườn tầng kết thúc, góc nghiêng bờ công tác, bờ kết thúc trên cơ sở độ ổn định bờ tầng, bờ mỏ.

Tính toán các khâu công nghệ chính như: chuẩn bị đất đá, khoan - nổ mìn, xúc bóc, công nghệ khai thác quặng (đối với các mỏ quặng, mỏ khai thác than). Đồng bộ thiết bị sử dụng cho công nghệ khai thác và tính toán lựa chọn về chủng loại, mã hiệu, số lượng.

Chương 7. Vận tải trong mỏ

Lựa chọn các phương án vận tải trong mỏ (vận tải bằng ô tô, đường sắt, băng tải hoặc các hình thức khác) trên cơ sở đó tính toán vận tải cho từng đối tượng: đất đá thải, khoáng sản có ích hay người và vật liệu.

Lựa chọn chủng loại, mã hiệu tính toán số lượng thiết bị vận tải, cũng như tính toán về các thông số của tuyến đường vận tải (đối với vận tải ô tô, đường sắt, băng tải).

Chương 8. Thải đất đá

Tính toán khối lượng đất đá thải, lựa chọn vị trí đổ thải, tính toán dung tích bãi thải, công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá.

Chương 9. Thoát nước mỏ

Tính toán lượng nước chảy vào moong khai thác và lựa chọn phương án thoát nước phù hợp.

Tính toán lựa chọn thiết bị phục vụ cho thoát nước mỏ.

Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy

Các giải pháp kỹ thuật an toàn cho các khâu công nghệ khai thác. Các biện pháp chống tụt lở bờ mỏ, chống sự cố nước ngầm, nước mặt gây lũ quyết ảnh hưởng đến khai thác mỏ.

Các giải pháp về vệ sinh công nghiệp, chống bụi và thông khí mỏ khi xuống sâu (nếu có). Các giải pháp về phòng chống cháy, nổ.

Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản

Trong trường hợp dự án mỏ yêu cầu có sản phẩm là quặng đã qua chế biến để đạt tiêu chuẩn nhất định thì phải lựa chọn công nghệ chế biến và các thiết bị hợp lý nhằm thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản. Thiết kế cần lập ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Nếu chủ đầu tư có nhu cầu lập riêng Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến khoáng sản thì Dự án đầu tư chế biến khoáng sản được lập theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Chương này chỉ nêu tóm tắt nội dung các giải pháp chính đã lựa chọn.

Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Lựa chọn các giải pháp về sửa chữa cơ điện kho tàng và các công trình phụ trợ. Lựa chọn thiết bị phục vụ đối với từng thành phần (như khối sửa chữa cơ điện, khối kho thành phẩm và bán thành phẩm, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ) nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng và hoạt động của toàn bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ đã lựa chọn.

Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Các chỉ tiêu, tiêu hao về điện. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hoá.

Xác định mức độ cần thiết, giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ.

Chương 15. Kiến trúc và xây dựng

Nêu cơ sở thiết kế, quy mô xây dựng các nhà, xưởng và công trình xây dựng khác phục vụ cho khai thác mỏ trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến trúc và kết cấu công trình.

Chương 16. Cung cấp nước và thải nước

Tính toán nhu cầu về sử dụng nước công nghiệp, sinh hoạt, nước phục vụ cho khai thác mỏ. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và so sánh lựa chọn giải pháp cung ứng.

Các giải pháp về xử lý và thải các loại nước bẩn từ sân công nghiệp và công trình khác của mỏ (nước thải từ mặt bằng sân công nghiệp, nước thải từ khu vực sinh hoạt) ra môi trường.

Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Trên cơ sở các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho khai thác mỏ đã tính toán lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng cần bảo đảm các yêu cầu như: Phù hợp với phương án mở vỉa và hệ thống khai thác đã chọn, an toàn mỏ, thuận lợi về giao thông vận tải trong và ngoài mỏ, gần các nguồn điện, nước.

Nêu các phương án vận tải ngoài mỏ. Thiết kế cần nêu ít nhất 2 phương án để lựa chọn phương án vận tải ngoài mỏ.

Chương 18. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác khai thác mỏ như: nhà, công trình, đường vận tải và kho tàng. Phương án bóc đất trong thời gian xây dựng mỏ (bóc đất xây dựng cơ bản nếu có).

Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế lao động cho bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ. Năng suất lao động của từng bộ phận sản xuất trực tiếp, gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mộ mả, công trình). Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Lịch trình thực hiện.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế

Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ LỘ THIÊN

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Bản đồ địa hình có lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
3	Bình đồ tính trữ lượng khoáng sản (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
4	Các mặt cắt địa chất đặc trưng (tỷ lệ 1/500; 1/1.000)	
5	Bản đồ mỏ vỉa năm thứ nhất (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
6	Bản đồ kết thúc xây dựng cơ bản mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Các bản đồ khai thác năm thứ 1 đến năm đạt công suất thiết kế (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
8	Bản đồ chuyên giai đoạn khai thác (nếu có) (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
9	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
10	Sơ đồ công nghệ và các yếu tố hệ thống khai thác.	
11	Bản vẽ các thông số khoan - nổ mìn (nếu có).	
12	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
13	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (Đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phân công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén.	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 hoặc 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng.	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang diện hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải (đường ô tô, đường sắt, băng tải)	
17	Bản đồ tổng mặt bằng Nhà máy chế biến khoáng sản (tỷ lệ 1/2.000)	
18	Sơ đồ công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản	
19	Sơ đồ nguyên lý định tính, định lượng của dây chuyền chế biến khoáng sản	
20	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.	
21	Bản đồ hoàn thô không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HÀM LÒ**Phần I. Thuyết minh dự án****Mục lục**

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	Khái quát chung về Dự án	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình, địa điểm xây dựng và nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	Giải pháp kỹ thuật	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường.	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
	5.4. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng	
	5.5. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
	5.6. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị	
	5.7. Vận tải trong lò, chèn lấp lò (nếu có)	
	5.8. Thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Chế biến khoáng sản.	
	6.2. Sửa chữa cơ điện, kho tàng	
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	Phân tích tài chính	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế.	
IV	Kết luận và kiến nghị	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):
- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư, hoặc văn bản thoả thuận bổ sung quy hoạch, thoả thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất; thoả thuận về địa điểm; nguồn đầu nối điện, nước, giao thông và tài liệu mỏ khác của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm của dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế và cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và ngoài nước đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Xác định sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các chế độ, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển mỏ, các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong đầu tư.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư: Sử dụng trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành hay theo yêu cầu của thị trường.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm: Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như yêu cầu về trang, thiết bị để nêu ra những yêu cầu cần phải đáp ứng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ như: cung cấp điện, nước, nguyên, nhiên liệu (nếu có) và đưa ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích, lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất khoáng sản, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt kết quả xác định phương án chọn về mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu kết quả lựa chọn về phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Công tác chế biến khoáng sản: Mô tả tóm tắt phương pháp và sản phẩm của công tác chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Mô tả tóm tắt công tác sửa chữa, cơ điện và kho tàng.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc): Mô tả tóm tắt về giải pháp đáp ứng mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc-xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý. Giải pháp và tiến độ hoàn thổ môi trường, phục hồi môi sinh. (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động; Xác định sơ đồ và mô hình quản lý. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng.
- Chi phí thiết bị
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác (*trong đó không bao gồm: Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất và lãi vay trong thời gian XD CB*).
- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất
- Lãi vay trong thời gian XD CB
- Chi phí dự phòng

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HÀM LÒ**PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ****A. THUYẾT MINH****Mục lục**

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Mở đầu	
	Phần I: Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	Phần II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3. Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Khai thông	
6	Chương 6. Chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
7	Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm	
8	Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
9	Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị	
10	Chương 10. Vận tải trong mỏ	
11	Chương 11. Thông gió mỏ	
12	Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
13	Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường	
14	Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ	
15	Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản	
16	Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)	
17	Chương 17. Các phân xưởng phụ	
18	Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
19	Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hoá	
20	Chương 20. Cung cấp khí nén	
21	Chương 21. Kiến trúc - xây dựng	
22	Chương 22. Cung cấp nước và thải nước	
23	Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
24	Chương 24. Tổ chức xây dựng	
25	Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
26	Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
27	Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế	
	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của Dự án	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia lập dự án.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài thì Cơ quan lập thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo “Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BXD ngày 7/4/2005 và Quyết định số 35/2006/QĐ-BXD ngày 22/11/2006 của Bộ Xây dựng.

PHẦN I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như: đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn, trữ lượng địa chất đã được phê duyệt, đánh giá mức độ thăm dò và kiến nghị thăm dò bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

PHẦN II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới và trữ lượng mỏ

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích, độ cao đáy mỏ).

Trữ lượng mỏ cần xác định: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp.

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và thời gian tồn tại của mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận: khai thác trực tiếp, gián tiếp, chế biến nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện khai thác cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số khu và lò chợ có thể khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, khả năng áp dụng cơ giới hóa khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất mỏ được xác định theo quặng nguyên khai và tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn phương án tối ưu.

Thời gian tồn tại của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Chương 5. Khai thông

Luận giải mức mức khai thông khai trường. Nêu ít nhất 2 phương án về mức khai thông để lựa chọn.

Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án khai thông và so sánh lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật để chọn phương án có chỉ tiêu kỹ thuật ưu việt nhất (có thể nêu các phương án khai thông bằng các loại giếng nghiêng, giếng đứng hoặc giếng nghiêng và giếng đứng hỗn hợp). Các phương án khai thông cần mô tả, lập luận so sánh ưu nhược điểm. (lập bảng so sánh các chỉ tiêu như: vị trí mặt bằng cửa giếng, mặt bằng sân công nghiệp, độ sâu khai thác, phân chia khu khai thác, giải pháp khai thông, khối lượng đường lò khai thông). Tính toán, lập luận khả năng thông qua, chọn tiết diện, vật liệu chống của giếng. Chọn loại tiết diện, sân ga. Liệt kê các thông số của giếng chính, phụ.

Chương 6. Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác

Sơ đồ chuẩn bị khai trường (chia tầng, phân tầng, chia khoảnh). Phương án đào lò chuẩn bị (đào lò trong đá, đào lò trong thân quặng). Chiều dài khu khai thác, chiều dài lò chợ của các vỉa tham gia đạt công suất thiết kế và các khu, vỉa duy trì sản xuất. Khối lượng đường lò chuẩn bị của các phương án đến năm đạt công suất thiết kế theo các loại đường lò trong đá và trong vỉa hoặc thân quặng (lò bằng, lò nghiêng, giếng đứng, giếng nghiêng).

Lập luận về trình tự khai thác, lịch khai thác, lịch xây dựng cơ bản. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga, hầm trạm

Luận giải các vị trí để bố trí giếng mỏ, các giải pháp bố trí sân ga và hầm trạm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng

Xác định các phương án công nghệ vận tải qua giếng hợp lý. Lập luận chọn loại, số lượng thiết bị nâng, vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở giếng nghiêng, giếng đứng, ở mức vận tải chính, vận tải phụ, mức vận tải trung gian trên cơ sở sơ đồ khai thông, chuẩn bị và công suất mỏ đã lựa chọn nhằm bảo đảm vận tải khoáng sản có ích, đất đá thải, vật liệu và người.

Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị

Luận giải để lựa chọn hệ thống khai thác hợp lý bảo đảm công suất khai thác thiết kế, tiết kiệm vật liệu chống, an toàn, phù hợp với điều kiện địa chất của vỉa, xác định phương tiện cơ giới hóa trong lò chợ. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Tính toán các thông số của hệ thống khai thác, luận giải, lựa chọn các phương tiện cơ giới hóa đào lò chuẩn bị, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị khai thác, đào lò.

Tổ chức đào lò (hộ chiếu chống lò, biểu đồ tổ chức) trong gương lò chợ, lò chuẩn bị. Điều khiển đá vách, khai thác, vận tải quặng trong lò. Công tác khoan - nổ mìn trong gương lò chợ, lò chuẩn bị (nếu có).

Chương 10. Vận tải trong mỏ

Xác định các phương án, công nghệ vận tải trong mỏ, vận tải trong lò hợp lý. Lập luận lựa chọn loại, mã hiệu, tính toán số lượng thiết bị vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở mức vận tải chính mức vận tải trung gian, trong lò băng, lò nghiêng. Lựa chọn chủng loại gòong, số lượng gòong cần thiết cho vận chuyển (nếu sử dụng) khi mỏ đạt công suất.

Chương 11. Thông gió mỏ

Xác định cấp khí mỏ, lựa chọn sơ đồ và phương pháp thông gió, thông gió cho lò chợ, thông gió đào lò chuẩn bị, xác định lưu lượng gió cung cấp cho lò chợ khai thác theo các yếu tố, xác định lưu lượng và hạ áp mỏ giai đoạn thông gió khó khăn nhất. Lựa chọn quạt gió, công suất động cơ quạt, lựa chọn hợp lý chủng loại, số lượng quạt gió cho từng khu vực và toàn mỏ theo các giai đoạn phát triển trên cơ sở sơ đồ khai thông chuẩn bị và hệ thống khai thác của các phương án công nghệ mỏ, khối lượng công trình cần xây dựng phục vụ công việc thông gió.

Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp

Các biện pháp chống bụi nổ và khí nổ (nếu có), các biện pháp chống cháy mỏ, phòng chống nước mặt, chống bụi nước, phụt khí cho hệ thống lò.

Các phương án cấp cứu và cứu hỏa.

Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường

Biện pháp tháo khô sơ bộ thân khoáng sàng (nếu cần thiết) và thoát nước hợp lý cho mỏ, lựa chọn bơm và sơ đồ thoát nước phù hợp với yêu cầu thoát nước bảo đảm cho hoạt động khai thác được an toàn. (Nêu các thông số cơ bản như: Lưu lượng nước cần thoát: Q_{\min} , Q_{tb} , Q_{\max} , Tính toán chọn máy bơm, chọn đường kính dẫn, lưu

lượng nước cần thoát, tính toán chọn máy bơm, chiều dài hầm bơm, chiều rộng hầm bơm. Trạm bơm chính, trạm bơm khu vực..v.v.).

Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ

Lựa chọn các giải pháp nhận khoáng sản đã được khai thác từ trong mỏ đưa ra và đưa khoáng sản ra đến điểm chuyển tải, vận tải đất đá ra bãi thải, vận chuyển vật liệu, người và thiết bị khai thác vào lò (kể cả vật liệu chèn lấp lò).

Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản

Nêu đặc tính, chất lượng quặng nguyên khai của mỏ và yêu cầu chất lượng sản phẩm của các hộ tiêu thụ. Lập luận việc tổ chức nhà máy hoặc phân xưởng chế biến tại mỏ, hệ thống xử lý quặng, đá quá cỡ. Tính toán cân bằng và thu hồi sản phẩm. Kiểm tra khối lượng và chất lượng sản phẩm. Nêu ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)

Các giải pháp tổ chức chèn lấp lò từ khâu khai thác vật liệu, chuẩn bị vật liệu, đưa vật liệu vào lò và công nghệ chèn lấp, lựa chọn thiết bị và xác định khối lượng công trình liên quan đến việc chèn lấp lò.

Chương 17. Các phân xưởng phụ

Lựa chọn các công trình phụ trợ, chương trình sản xuất và quy mô xây dựng. Lựa chọn thiết bị của từng công trình phụ trợ thành phần (như của khối sửa chữa kho tàng, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ, kho thiết bị chống, thiết bị cồng kênh và xưởng gia công vì chống; của khối kiểm tu goòng và bôi trơn v.v...) nhằm đồng bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ mỏ lựa chọn.

Lập luận việc thành lập Phân xưởng sản xuất kinh doanh sản phẩm phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ

Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải điện và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng. Các chỉ tiêu về cung cấp điện và liệt kê trang thiết bị điện.

Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hoá

Xác định mức độ cần thiết, các giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ, hệ thống cảnh báo khí mê tan.

Chương 20. Cung cấp khí nén

Xác định nhu cầu khí nén và chọn giải pháp cung cấp khí nén hợp lý.

Chương 21. Kiến trúc - xây dựng

Các giải pháp kiến trúc, xây dựng các công trình trên mặt đất và khối lượng các công trình. Các giải pháp phòng chống chữa cháy, thông gió, chiếu sáng và điều hoà nhiệt độ (nếu cần thiết), v, v . . .

Chương 22. Cung cấp nước và thải nước

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và thải các loại nước bẩn từ mỏ đi (nước trong lò chảy ra, nước sinh hoạt).

Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Các giải pháp bố trí tổng mặt bằng, các giải pháp vận tải trong phạm vi mặt bằng mỏ và vận tải ngoài mỏ. Các công trình phục vụ vận tải. Các công trình xây dựng cảnh quan, sinh thái trên mặt bằng (cây xanh, hồ nước).

Chương 24. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình trên mặt mỏ như: xây lắp thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, nguồn cung cấp. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình hầm lò: công tác xây lắp, thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, cung cấp điện nước, thời gian thi công. Khối lượng xây lắp hầm lò. Các giải pháp kỹ thuật thi công như: công nghệ đào, chống lò, thông gió, cung cấp khí nén, cung cấp nước, cung cấp điện thi công. Vận tải đất đá trong lò và thải đá. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế, năng suất lao động cho từng bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mồ mả, công trình khác và cây cối hoa màu)

Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế**Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế**

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ HÀM LÒ

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Các bản đồ địa chất có lộ vỉa, tính trữ lượng, mặt cắt địa chất điển hình, cột địa tầng, thiết đồ lỗ khoan điển hình.	
3	Biên giới khai trường các phương án và vị trí các cửa lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
4	Sơ đồ khai thông các phương án: Bình đồ các mức khai thác, mở vỉa đứng, mặt cắt qua giếng, mặt cắt qua xuyên vỉa chính (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
5	Sơ đồ hệ thống đường lò chuẩn bị các vỉa đầu tư XD CB ban đầu (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
6	Sơ đồ tổng hợp các đường lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Lịch đào lò xây dựng cơ bản: Tên các đường lò, chiều dài than, đá, tiết diện đào chống, khối tích, tiến độ, thời gian thi công	
8	Lịch khai thác (trữ lượng địa chất, công nghiệp, công suất lò chợ, thời gian huy động)	
9	Bản vẽ sơ đồ giếng mỏ, sân ga, hầm trạm	
10	Bản vẽ sơ đồ hệ thống khai thác có các biểu đồ tổ chức công việc, biểu đồ nhân lực, các chỉ tiêu kỹ thuật (tỷ lệ 1/200)	
11	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
12	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phần công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 và 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng (điện, nước, thông tin liên lạc)	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải	
17	Mặt bằng bố trí các công trình môi trường (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
18	Bản đồ Tổng mặt bằng toàn mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), thể hiện tất cả các hạng mục công trình, mạng kỹ thuật hạ tầng.	

11. Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị (trường hợp đơn vị đề nghị gia hạn là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn chín mươi (90) ngày, bao gồm:

+ Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (theo mẫu);

+ Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm xin gia hạn kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm xin gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại và diện tích xin tiếp tục khai thác.

Trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì giấy phép đó tiếp tục có hiệu lực đến thời điểm được gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

- Lệ phí (nếu có): 2.000.000 đồng/giấy phép.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ Mẫu Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (đính kèm).

+ Mẫu Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản (đính kèm).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP

ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 08

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax

Được phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản)..... tại: xã..... huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép khai thác số..... ngày... tháng... năm.....

Nay xin được gia hạn giấy phép khai thác..... năm, từ tháng... năm... đến tháng... năm.....

Diện tích khu vực khai thác xin gia hạn là ha.

Được giới hạn bởi các điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng:..... (tấn, m³,...) Thân khoáng.....

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn giấy phép khai thác:

.....
.....
.....
.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
-
-

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I. Phần chung:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:
2. Địa chỉ cơ quan:.....; Điện thoại: ; Fax:
3. Số giấy phép:.....ngày... tháng.... năm.....; thời hạn giấy phép: tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép khai thác:
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tổng số vốn đầu tư:(triệu đ);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trong 06 tháng (01 năm), từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

A. Hoạt động khai thác khoáng sản

1. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
2. Công suất khai thác khoáng sản theo thiết kế và thực tế:.. (kg, tấn, m³);
3. Khối lượng sản phẩm sau chế biến: (kg, tấn, m³) (ghi rõ quặng tinh, than sạch, đá khối, đá tấm, đá hộc, đá dăm .v.v...);
4. Khối lượng sản phẩm đi kèm thu hồi được:(kg, tấn, m³) (ghi rõ loại khoáng sản đi kèm thu hồi được);
5. Giá thành khai thác:.....(đ, nghìn đ/kg, tấn, m³);
6. Trữ lượng khoáng sản còn lại (tại thời điểm báo cáo): (kg, tấn, m³);
7. Hệ số tổn thất theo thiết kế và thực tế: %;
8. Khối lượng đã xuất khẩu (nếu có):(kg, tấn, m³);
9. Tổng doanh thu:(triệu đ);
10. Nộp ngân sách Nhà nước (ghi rõ từng khoản thuế): (triệu đ);
 Trong đó Thuế Tài nguyên:(triệu đ).

B. Hoạt động chế biến khoáng sản

Thực hiện theo Mẫu số 25.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo

- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ.

12. Thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản (theo mẫu);

+ Bản đồ hiện trạng kèm theo báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích khai thác;

+ Đề án đóng cửa mỏ đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: văn bản chấp thuận

- *Lệ phí (nếu có)*: không có

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

Mẫu Đơn xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 09

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (TRẢ LẠI
 MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:

Xin được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm
 tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh kể từ ngày tháng
 năm (một phần diện tích khai thác khoáng sản theo Giấy phép số ngày
 tháng năm)

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần bổ sung các thông tin
 sau:

- Khu vực xin trả lại có diện tích (ha, km²).

- Diện tích khu vực khai thác được tiếp tục hoạt động là..... (ha, km²). Khu vực
 xin trả lại và khu vực tiếp tục khai thác phải có tọa độ các điểm khép góc thể hiện
 trên bản đồ kèm theo.

Lý do xin trả lại

.....

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -
 -

13. Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu) và hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;

+ Báo cáo kết quả khai thác và các nghĩa vụ đã thực hiện đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền khai thác kèm theo bản đồ hiện trạng khai thác tại thời điểm xin chuyển nhượng (theo mẫu);

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

Việc chuyển nhượng quyền khai thác được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép khai thác cho tổ chức nhận chuyển nhượng, thay thế giấy phép đã cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 2.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN CHUYỂN NHƯỢNG
 QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:

Xin được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (tên khoáng sản).....
 theo Giấy phép khai thác số... ngày... tháng... năm... để hoạt động khai thác mỏ (tên
 mỏ)....., thuộc xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời hạn được khai thác.... năm, từ tháng... năm... đến tháng.... năm....

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm....(Đăng ký kinh
 doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu
 tư).....(nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng số.... ký ngày... tháng... năm... và các văn
 bản khác liên quan.

Lý do xin chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản:

.....

Thời gian bắt đầu chuyển nhượng kể từ ngày.... tháng... năm...

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -
 -

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

I. Phần chung:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:
2. Địa chỉ cơ quan:.....; Điện thoại: ; Fax:
3. Số giấy phép:.....ngày... tháng.... năm.....; thời hạn giấy phép: tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép khai thác:
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tổng số vốn đầu tư:(triệu đ);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trong 06 tháng (01 năm), từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

A. Hoạt động khai thác khoáng sản

1. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
2. Công suất khai thác khoáng sản theo thiết kế và thực tế:.. (kg, tấn, m³);
3. Khối lượng sản phẩm sau chế biến: (kg, tấn, m³) (ghi rõ quặng tinh, than sạch, đá khối, đá tấm, đá học, đá dăm .v.v.);
4. Khối lượng sản phẩm đi kèm thu hồi được:(kg, tấn, m³) (ghi rõ loại khoáng sản đi kèm thu hồi được);
5. Giá thành khai thác:.....(đ, nghìn đ/kg, tấn, m³);
6. Trữ lượng khoáng sản còn lại (tại thời điểm báo cáo): (kg, tấn, m³);
7. Hệ số tổn thất theo thiết kế và thực tế: %;
8. Khối lượng đã xuất khẩu (nếu có):(kg, tấn, m³);
9. Tổng doanh thu:(triệu đ);
10. Nộp ngân sách Nhà nước (ghi rõ từng khoản thuế): (triệu đ);
Trong đó Thuế Tài nguyên:(triệu đ).

B. Hoạt động chế biến khoáng sản

Thực hiện theo Mẫu số 25.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo

- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ.

14. Thủ tục tiếp tục quyền khai thác khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, TP.HCM.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu);

+ Bản sao văn bản pháp lý có chứng thực của Công chứng nhà nước chứng minh tổ chức, cá nhân thừa kế hợp pháp quyền khai thác khoáng sản;

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước của tổ chức được thừa kế hợp pháp;

+ Bản đồ hiện trạng khai thác, kèm theo báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm xin được tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu).

Việc cho phép tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức thừa kế hợp pháp, thay thế giấy phép đã cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 37 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 2.000.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản (đính kèm);

+ Mẫu Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 11

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN
 QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Xin được tiếp tục thực hiện quyền khai thác (tên khoáng sản) theo Giấy
 phép số ngày ... tháng năm tại xã, huyện, tỉnh

Trụ sở tại:..... ; Điện thoại:..... Fax

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm....(Đăng ký kinh
 doanh số... ngày... tháng... năm...).

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu
 tư).....(nếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Giấy phép khai thác khoáng sản số.... ngày... tháng... năm... để hoạt động khai
 thác (tên khoáng sản).... tại mỏ....., thuộc xã:....., huyện....., tỉnh.....

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép (Tên tổ chức, cá
 nhân)..... được tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép nói
 trên.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền và
 nghĩa vụ theo quy định của Giấy phép, quy định của pháp luật về khoáng sản và quy
 định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -
 -

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I. Phần chung:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:
2. Địa chỉ cơ quan:.....; Điện thoại: ; Fax:
3. Số giấy phép:.....ngày... tháng.... năm.....; thời hạn giấy phép: tháng (năm);
4. Loại khoáng sản được phép khai thác:
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tổng số vốn đầu tư:(triệu đ);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trong 06 tháng (01 năm), từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

A. Hoạt động khai thác khoáng sản

1. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
2. Công suất khai thác khoáng sản theo thiết kế và thực tế:.. (kg, tấn, m³);
3. Khối lượng sản phẩm sau chế biến: (kg, tấn, m³) (ghi rõ quặng tinh, than sạch, đá khối, đá tấm, đá học, đá dăm .v.v.);
4. Khối lượng sản phẩm đi kèm thu hồi được:(kg, tấn, m³) (ghi rõ loại khoáng sản đi kèm thu hồi được);
5. Giá thành khai thác:.....(đ, nghìn đ/kg, tấn, m³);
6. Trữ lượng khoáng sản còn lại (tại thời điểm báo cáo): (kg, tấn, m³);
7. Hệ số tổn thất theo thiết kế và thực tế: %;
8. Khối lượng đã xuất khẩu (nếu có):(kg, tấn, m³);
9. Tổng doanh thu:(triệu đ);
10. Nộp ngân sách Nhà nước (ghi rõ từng khoản thuế): (triệu đ);
Trong đó Thuế Tài nguyên:(triệu đ).

B. Hoạt động chế biến khoáng sản

Thực hiện theo Mẫu số 25.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo

- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ.

15. Thủ tục cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

- *Trình tự thực hiện:*

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Tài nguyên và Môi trường, 63 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng).

Khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Phòng Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu sẽ làm thủ tục cấp phép. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu sẽ có văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

* Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép (nếu hồ sơ đạt yêu cầu) tại Bộ phận Tài vụ và nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình:

+ Biên nhận hồ sơ.

+ Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định).

+ Giấy giới thiệu của đơn vị đề nghị cấp phép (trường hợp đơn vị đề nghị cấp phép là tổ chức).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin khai thác tận thu khoáng sản (theo mẫu), kèm theo bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;

+ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản (theo mẫu), kèm theo quyết định phê duyệt theo quy định;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức trong nước mà không phải là tổ chức đã được cấp giấy phép thăm dò hoặc bản sao giấy phép đầu tư có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 60 - 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ tùy theo mức độ phức tạp của hồ sơ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: cá nhân, tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có

- *Kết quả thủ tục hành chính*: Giấy phép

- *Lệ phí (nếu có)*: 500.000 đồng/giấy phép.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)*:

+ Mẫu Đơn xin khai thác tận thu khoáng sản (đính kèm);

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản:

* Mẫu hướng dẫn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên (đính kèm).

* Mẫu hướng dẫn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ hầm lò (đính kèm).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không có

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

* Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996;

* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

* Luật Bảo vệ môi trường 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

* Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

* Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn;

* Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

* Quyết định số 90/2007/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ 1A

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
 - Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh

(Tên tổ chức, cá nhân):

Hoặc người đại diện mang tính pháp lý đối với tổ chức

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm...(Đăng ký kinh
 doanh số... ngày... tháng... năm...).

Lý do khai thác tận thu:

Xin được khai thác tận thu (tên khoáng sản) tại..... thuộc phường
 (xã):....., quận (huyện)..... thành phố Hồ Chí Minh

Diện tích khu vực xin khai thác: (ha, km²)

Được giới hạn bởi các điểm góc: có tọa độ xác định trên bản đồ
 kèm theo.

Trữ lượng xin khai thác tận thu: (tấn, m³...)Công suất khai thác tận thu: (tấn, m³...)

Phương pháp khai thác

Thời hạn khai thác khoáng sản là năm, từ tháng năm đến
 tháng năm

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan tiếp tục thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm theo:

-
 -
 -

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN**PHẦN I: THUYẾT MINH DỰ ÁN****MỤC LỤC**

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	Khái quát chung về Dự án	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	Giải pháp kỹ thuật	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường.	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác.	
	5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ.	
	5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Công tác chế biến khoáng sản	
	6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	Phân tích tài chính	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế.	
IV	Kết luận và kiến nghị	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1- Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):
- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư, hoặc văn bản thoả thuận bổ sung quy hoạch, thoả thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất; thoả thuận về địa điểm; nguồn đầu nối điện, nước, giao thông và tài liệu mỏ khác của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm của dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế và cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và ngoài nước đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Xác định sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các chế độ, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển mỏ, các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong đầu tư.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư: Sử dụng trong nước, thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành hay theo yêu cầu của thị trường.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất..

Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm: Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như yêu cầu về trang, thiết bị để nêu ra những yêu cầu cần phải đáp ứng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ như: cung cấp điện, nước, nguyên, nhiên liệu (nếu có) và đưa ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích, lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất khoáng sản, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt kết quả xác định phương án chọn về mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

5.4. Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu kết quả lựa chọn về phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

5.5. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện và kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Công tác chế biến khoáng sản: Mô tả tóm tắt phương pháp và sản phẩm của công tác chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Mô tả tóm tắt công tác sửa chữa, cơ điện và kho tàng.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc): Mô tả tóm tắt về giải pháp đáp ứng mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc-xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: Xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý. Giải pháp và tiến độ hoàn thổ môi trường, phục hồi môi sinh. (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động; Xác định sơ đồ và mô hình quản lý. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng.
- Chi phí thiết bị
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác (*trong đó không bao gồm: Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất và lãi vay trong thời gian XD/CB*).
- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất
- Lãi vay trong thời gian XD/CB
- Chi phí dự phòng

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ LỘ THIÊN

PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ

A. THUYẾT MINH

Mục lục

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Lời nói đầu	
	I. Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Mở mỏ và trình tự khai thác	
6	Chương 6. Hệ thống khai thác	
7	Chương 7. Vận tải trong mỏ	
8	Chương 8. Thải đất đá	
9	Chương 9. Thoát nước mỏ	
10	Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy	
11	Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản	
12	Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng	
13	Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
14	Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hoá	
15	Chương 15. Kiến trúc và xây dựng	
16	Chương 16. Cung cấp nước và thải nước	
17	Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
18	Chương 18. Tổ chức xây dựng	
19	Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
20	Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
21	Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế	
	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài thì Cơ quan lập Thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo “Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BXD ngày 07/4/2005 và Quyết định số 35/2006/QĐ-BXD ngày 22/11/2006 của Bộ Xây dựng.

PHẦN I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và đặc điểm địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn. Trữ lượng địa chất đã được phê duyệt. Đánh giá mức độ thăm dò, độ tin cậy của tài liệu và kiến nghị bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

PHẦN II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3: Biên giới và trữ lượng khai trường

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích).

Trữ lượng khai trường bao gồm: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, các tồn thất, trữ lượng công nghiệp

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận khai thác, trực tiếp, gián tiếp và chế biến khoáng sản nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số công trường khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất được xác định theo quặng nguyên khai, tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn.

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác theo thiết kế (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Tuổi thọ của khu vực, tuổi thọ của toàn mỏ cần tính theo 2 phương án công suất để so sánh, lựa chọn.

Chương 5. Mở vỉa và trình tự khai thác

Phương án mở vỉa lựa chọn trên cơ sở điều kiện địa hình và đặc điểm thể nằm của vỉa khoáng sản.

Trình tự khai thác chung toàn mỏ và trình tự khai thác riêng cho từng công trường hoặc từng khai trường của mỏ.

Chương 6. Hệ thống khai thác

Lựa chọn hệ thống khai thác trên cơ sở điều kiện khai thác của mỏ. Tính toán các thông số của hệ thống khai thác đã lựa chọn: Chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc, góc nghiêng sườn tầng khai thác, góc nghiêng sườn tầng kết thúc, góc nghiêng bờ công tác, bờ kết thúc trên cơ sở độ ổn định bờ tầng, bờ mỏ.

Tính toán các khâu công nghệ chính như: chuẩn bị đất đá, khoan - nổ mìn, xúc bóc, công nghệ khai thác quặng (đối với các mỏ quặng, mỏ khai thác than). Đồng bộ thiết bị sử dụng cho công nghệ khai thác và tính toán lựa chọn về chủng loại, mã hiệu, số lượng.

Chương 7. Vận tải trong mỏ

Lựa chọn các phương án vận tải trong mỏ (vận tải bằng ô tô, đường sắt, băng tải hoặc các hình thức khác) trên cơ sở đó tính toán vận tải cho từng đối tượng: đất đá thải, khoáng sản có ích hay người và vật liệu.

Lựa chọn chủng loại, mã hiệu tính toán số lượng thiết bị vận tải, cũng như tính toán về các thông số của tuyến đường vận tải (đối với vận tải ô tô, đường sắt, băng tải).

Chương 8. Thải đất đá

Tính toán khối lượng đất đá thải, lựa chọn vị trí đổ thải, tính toán dung tích bãi thải, công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá.

Chương 9. Thoát nước mỏ

Tính toán lượng nước chảy vào moong khai thác và lựa chọn phương án thoát nước phù hợp.

Tính toán lựa chọn thiết bị phục vụ cho thoát nước mỏ.

Chương 10. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy

Các giải pháp kỹ thuật an toàn cho các khâu công nghệ khai thác. Các biện pháp chống tụt lở bờ mỏ, chống sự cố nước ngầm, nước mặt gây lũ quyết ảnh hưởng đến khai thác mỏ.

Các giải pháp về vệ sinh công nghiệp, chống bụi và thông khí mỏ khi xuống sâu (nếu có). Các giải pháp về phòng chống cháy, nổ.

Chương 11. Công tác chế biến khoáng sản

Trong trường hợp dự án mỏ yêu cầu có sản phẩm là quặng đã qua chế biến để đạt tiêu chuẩn nhất định thì phải lựa chọn công nghệ chế biến và các thiết bị hợp lý nhằm thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản. Thiết kế cần lập ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Nếu chủ đầu tư có nhu cầu lập riêng Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến khoáng sản thì Dự án đầu tư chế biến khoáng sản được lập theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Chương này chỉ nêu tóm tắt nội dung các giải pháp chính đã lựa chọn.

Chương 12. Sửa chữa cơ điện và kho tàng

Lựa chọn các giải pháp về sửa chữa cơ điện kho tàng và các công trình phụ trợ. Lựa chọn thiết bị phục vụ đối với từng thành phần (như khối sửa chữa cơ điện, khối kho thành phẩm và bán thành phẩm, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ) nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng và hoạt động của toàn bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ đã lựa chọn.

Chương 13. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Các chỉ tiêu, tiêu hao về điện. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng.

Chương 14. Thông tin liên lạc và tự động hoá.

Xác định mức độ cần thiết, giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ.

Chương 15. Kiến trúc và xây dựng

Nêu cơ sở thiết kế, quy mô xây dựng các nhà, xưởng và công trình xây dựng khác phục vụ cho khai thác mỏ trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến trúc và kết cấu công trình.

Chương 16. Cung cấp nước và thải nước

Tính toán nhu cầu về sử dụng nước công nghiệp, sinh hoạt, nước phục vụ cho khai thác mỏ. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và so sánh lựa chọn giải pháp cung ứng.

Các giải pháp về xử lý và thải các loại nước bẩn từ sân công nghiệp và công trình khác của mỏ (nước thải từ mặt bằng sân công nghiệp, nước thải từ khu vực sinh hoạt) ra môi trường.

Chương 17. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Trên cơ sở các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho khai thác mỏ đã tính toán lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng cần bảo đảm các yêu cầu như: Phù hợp với phương án mở vỉa và hệ thống khai thác đã chọn, an toàn mỏ, thuận lợi về giao thông vận tải trong và ngoài mỏ, gần các nguồn điện, nước.

Nêu các phương án vận tải ngoài mỏ. Thiết kế cần nêu ít nhất 2 phương án để lựa chọn phương án vận tải ngoài mỏ.

Chương 18. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác khai thác mỏ như: nhà, công trình, đường vận tải và kho tàng. Phương án bóc đất trong thời gian xây dựng mỏ (bóc đất xây dựng cơ bản nếu có).

Chương 19. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

Chương 20. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế lao động cho bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ. Năng suất lao động của từng bộ phận sản xuất trực tiếp, gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 21. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mộ mả, công trình). Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Lịch trình thực hiện.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế

Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ LỘ THIÊN

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Bản đồ địa hình có lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
3	Bình đồ tính trữ lượng khoáng sản (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
4	Các mặt cắt địa chất đặc trưng (tỷ lệ 1/500; 1/1.000)	
5	Bản đồ mở vỉa năm thứ nhất (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
6	Bản đồ kết thúc xây dựng cơ bản mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Các bản đồ khai thác năm thứ 1 đến năm đạt công suất thiết kế (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
8	Bản đồ chuyên giai đoạn khai thác (nếu có) (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
9	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).	
10	Sơ đồ công nghệ và các yếu tố hệ thống khai thác.	
11	Bản vẽ các thông số khoan - nổ mìn (nếu có).	
12	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
13	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (Đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phần công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén.	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 hoặc 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng.	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải (đường ô tô, đường sắt, băng tải)	
17	Bản đồ tổng mặt bằng Nhà máy chế biến khoáng sản (tỷ lệ 1/2.000)	
18	Sơ đồ công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản	
19	Sơ đồ nguyên lý định tính, định lượng của dây chuyền chế biến khoáng sản	
20	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.	
21	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18/6/2007 hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HÀM LÒ**Phần I. Thuyết minh dự án****Mục lục**

TT	Tên Chương mục	Số trang
I	Khái quát chung về Dự án	
1	Chương 1. Nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm	
2	Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư	
3	Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình, địa điểm xây dựng và nhu cầu sử dụng đất	
4	Chương 4. Cung cấp nguyên, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác	
II	Giải pháp kỹ thuật	
5	Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ	
	5.1. Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường.	
	5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
	5.3. Khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
	5.4. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng	
	5.5. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
	5.6. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị	
	5.7. Vận tải trong lò, chèn lấp lò (nếu có)	
	5.8. Thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
6	Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật	
	6.1. Chế biến khoáng sản.	
	6.2. Sửa chữa cơ điện, kho tàng	
	6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị)	
7	Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ	
	7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng	
	7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
	7.3. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
	7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
III	Phân tích tài chính	
8	Chương 8. Vốn đầu tư	
9	Chương 9. Hiệu quả kinh tế.	
IV	Kết luận và kiến nghị	

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành dự án, xuất xứ và sự cần thiết lập dự án.

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1- Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

- Tên chủ đầu tư:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư):
- Giấy phép khai thác mỏ (nếu đã có)

2. Cơ sở để lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Cơ sở pháp lý lập Dự án

Văn bản phê duyệt Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án quan trọng quốc gia); Văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, trong đó dự án có trong danh mục đầu tư hoặc văn bản thoả thuận bổ sung quy hoạch, thoả thuận chủ trương đầu tư của dự án (đối với dự án nhóm A).

2.2. Tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở lập dự án gồm: tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất, thoả thuận về địa điểm, nguồn đầu nối điện, nước, giao thông và tài liệu thiết kế của các giai đoạn trước (nếu có).

Chương 1. Nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm

1.1. Nhu cầu thị trường

Xác định vị trí và vai trò của sản phẩm dự án trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước hoặc trong Quy hoạch ngành (nếu đã có).

1.2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Sự thay thế đối với sản phẩm nhập ngoại cùng mã hiệu, chất lượng và cạnh tranh với sản phẩm nhập ngoại cùng mã hiệu, chất lượng hoặc cùng tính năng, tác dụng.

- Phân tích khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường nước ngoài theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giá cả, điều kiện, mạng lưới tiêu thụ. Các ràng buộc về pháp lý của nước nhập khẩu sản phẩm về việc kinh doanh, cung ứng, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng hợp khả năng tiêu thụ trong nước và nước ngoài đối với sản phẩm lựa chọn sẽ đầu tư sản xuất.

- Kết luận về nhu cầu thị trường, điều kiện và khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm lựa chọn.

Chương 2. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư

Các chính sách kinh tế xã hội liên quan đến phát triển ngành, những ưu tiên được phân định.

2.2. Mục tiêu đầu tư, chương trình sản xuất và yêu cầu phải đáp ứng

2.2.1. Mục tiêu đầu tư khai thác khoáng sản: đáp ứng như cầu trong nước, cho xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

2.2.2. Chương trình sản xuất, các yêu cầu phải đáp ứng

- Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành và/hoặc yêu cầu của khách hàng.

- Chương trình sản xuất.

Chương 3. Hình thức đầu tư xây dựng công trình. Địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất

3.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

3.1.1. Hình thức đầu tư

Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay nâng cấp, mở rộng.

3.1.2. Hình thức quản lý dự án: Luận giải và lựa chọn hình thức quản lý dự án, ví dụ như:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hỗn hợp cả 2 hình thức trên. Trong trường hợp này, cần phân tích và xác định công việc cụ thể đối với từng hình thức quản lý dự án.

3.2. Địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Luận giải và xác định địa điểm xây dựng công trình.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất: Xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất..

Chương 4. Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác

Tính toán, luận giải và xác định các nhu cầu đầu vào và các giải pháp bảo đảm

Trên cơ sở dự kiến sản lượng hàng năm của mỏ cũng như toàn bộ trang thiết bị mua sắm, lắp đặt, cần tính toán các nhu cầu đầu vào phải đáp ứng cho hoạt động khai thác mỏ và chế biến khoáng sản như: cung cấp điện, nước, nguyên nhiên liệu (nếu có) và nêu ra các giải pháp đáp ứng để lựa chọn.

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

(Tóm tắt kết quả phân tích và lựa chọn của Thiết kế cơ sở)

Chương 5. Các giải pháp kỹ thuật khai thác mỏ của phương án chọn

5.1. Tài nguyên, Biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm địa chất, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ.

5.2. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu kết quả xác định chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

5.3. Khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác: Nêu tóm tắt kết quả lựa chọn phương pháp khai thông, chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác mỏ.

5.4. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng: Nêu tóm tắt giải pháp lựa chọn về các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm bên giếng.

5.5. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng: Mô tả tóm tắt giải pháp lựa chọn thiết bị nâng, thiết bị vận tải qua giếng.

5.6. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị: Mô tả tóm tắt các giải pháp lựa chọn về hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác đào lò chuẩn bị và chèn lấp lò (nếu có).

5.7. Vận tải trong lò: Mô tả tóm tắt giải pháp về vận tải trong lò, lựa chọn đầu máy và xe gòong (nếu sử dụng).

5.8. Thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp: Nêu tóm tắt kết quả xác định của Thiết kế cơ sở về thông gió mỏ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

Chương 6. Các giải pháp về chế biến khoáng sản, sửa chữa cơ điện, kho tàng và mạng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chế biến khoáng sản: Nêu kết quả xác định giải pháp về chế biến khoáng sản.

6.2. Sửa chữa cơ điện, kho tàng: Nêu kết quả xác định giải pháp về sửa chữa cơ điện và kho tàng phục vụ sản xuất mỏ.

6.3. Mạng hạ tầng kỹ thuật (cung cấp điện, nước, khí nén, thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị): Nêu các kết quả xác định giải pháp về mạng hạ tầng kỹ thuật.

Chương 7. Tổng mặt bằng xây dựng, bảo vệ môi trường và tổ chức sản xuất của mỏ

7.1. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp lựa chọn, bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của Thiết kế cơ sở. Nêu giải pháp và lịch biểu tổ chức xây dựng của Dự án. Mô tả các giải pháp kiến trúc xây dựng Thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

7.2. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh: xác định các nguồn gây ô nhiễm môi trường, giải pháp xử lý chúng (Chương này cần nêu các giải pháp chính đã đề cập trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

7.3. Tổ chức quản lý sản xuất mỏ và bố trí lao động: Xác định sơ đồ và mô hình quản lý mỏ. Biên chế và bố trí lao động.

7.4. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư; Xác định khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chương 8. Vốn đầu tư

8.1. Vốn đầu tư

Xác định tổng mức đầu tư của dự án bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng.
- Chi phí thiết bị
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác (*trong đó không bao gồm: Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất và lãi vay trong thời gian XD/CB*).

- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất

- Lãi vay trong thời gian XD/CB

- Chi phí dự phòng

Nội dung cụ thể của các khoản mục đầu tư và phương pháp lập tổng mức đầu tư thực hiện theo Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 1/04/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng hoặc dự án có sử dụng lại tài sản hiện có cần xác định và phân ra: vốn hiện có sử dụng lại, vốn đầu tư mới đối với từng khoản mục chi phí đầu tư.

8.2. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ huy động vốn

Xác định cụ thể các nguồn vốn đầu tư bao gồm: Vốn tự có, vốn vay, vốn góp, vốn ngân sách cấp (nếu có) và các nguồn vốn khác. Cơ cấu nguồn vốn cần phân ra vốn nội tệ và ngoại tệ (nếu có) và quy chuyển tương đương về vốn nội tệ tại thời điểm tính toán.

Xác định tiến độ huy động vốn theo các nguồn vốn trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Chương 9. Hiệu quả kinh tế

9.1. Giá thành

Nêu cơ sở và phương pháp xác định giá thành đơn vị của sản phẩm, các thông số tính toán, kết quả tính toán giá thành theo các yếu tố chi phí sản xuất.

9.2. Hiệu quả kinh tế

Nêu cơ sở tính giá bán, doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

Nêu cơ sở và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế, các thông số tính toán gồm các bảng biểu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu. Cân đối tài chính cho cả đời dự án, tính toán lỗ lãi.

Xác định hiệu quả đầu tư (tài chính): NPV (Giá trị hiện tại thực), IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ). Thời gian thu hồi vốn.

Tính toán độ nhạy của dự án theo biến động của các yếu tố đầu vào (của chi phí sản xuất, giá thành) và đầu ra (giá bán, doanh thu). Đánh giá mức độ rủi ro của Dự án.

Nêu kết luận và kiến nghị của phần phân tích kinh tế - tài chính

9.3. Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nêu các kết luận chủ yếu về tài nguyên, quy mô công suất, tính hợp lý và khả thi về các giải pháp kỹ thuật lựa chọn, khả năng thu xếp vốn, hiệu quả và độ rủi ro của dự án.

Nêu các kiến nghị về cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu để thực hiện dự án

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ HÀM LÒ**PHẦN II. THIẾT KẾ CƠ SỞ****A. THUYẾT MINH****Mục lục**

TT	Tên Chương mục	Số trang
	Mở đầu	
	Phần I: Các yếu tố kỹ thuật cơ bản	
1	Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ	
2	Chương 2. Hiện trạng khai trường (nếu là dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất mỏ hiện có)	
	Phần II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ	
3	Chương 3. Biên giới và trữ lượng khai trường	
4	Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ	
5	Chương 5. Khai thông	
6	Chương 6. Chuẩn bị khai trường và kế hoạch khai thác	
7	Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga và hầm trạm	
8	Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng	
9	Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị	
10	Chương 10. Vận tải trong mỏ	
11	Chương 11. Thông gió mỏ	
12	Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp	
13	Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường	
14	Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ	
15	Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản	
16	Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)	
17	Chương 17. Các phân xưởng phụ	
18	Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng	
19	Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hoá	
20	Chương 20. Cung cấp khí nén	
21	Chương 21. Kiến trúc - xây dựng	
22	Chương 22. Cung cấp nước và thải nước	
23	Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ	
24	Chương 24. Tổ chức xây dựng	
25	Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh	
26	Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động	
27	Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư	
	Bảng kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế	
	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của Dự án	

MỞ ĐẦU

Nêu vắn tắt những yếu tố hình thành dự án và giới thiệu những tính pháp nhân của tổ chức hoặc cá nhân lập dự án, thiết kế cơ sở (tên, địa chỉ liên hệ, giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề tư vấn), giới thiệu Chủ nhiệm và các thành viên tham gia lập dự án.

Nêu các quy định, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng cho thiết kế cơ sở của Dự án. Trong trường hợp Việt Nam chưa có quy định, tiêu chuẩn xây dựng đối với lĩnh vực cần thiết kế của Dự án phải sử dụng tiêu chuẩn của nước ngoài thì Cơ quan lập thiết kế cơ sở cần tuân thủ theo “Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BXD ngày 7/4/2005 và Quyết định số 35/2006/QĐ-BXD ngày 22/11/2006 của Bộ Xây dựng.

PHẦN I. CÁC YẾU TỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Chương 1. Đặc điểm kinh tế, xã hội và điều kiện địa chất mỏ

1. Đặc điểm kinh tế xã hội

Nêu vị trí địa lý khu vực khai thác, điều kiện kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế ở địa phương, điều kiện xã hội và dân cư. Vai trò của mỏ khi tiến hành khai thác trong cộng đồng, nêu những khó khăn và thuận lợi. Nguồn cung cấp điện, nước. Nguồn lao động, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý công nhân kỹ thuật (đào tạo, tuyển dụng, hình thức tuyển dụng). Nguồn vật tư kỹ thuật bao gồm vật liệu xây dựng, đường xá, nhà cửa công trình, các vật tư kỹ thuật khác dùng cho thời kỳ xây dựng cơ bản mỏ và cho thời kỳ mỏ hoạt động bình thường. Hệ thống giao thông như: đường sắt, đường bộ, đường thủy. Hệ thống thông tin liên lạc hiện có ở khu vực.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Nêu đặc điểm địa lý tự nhiên, khí hậu thủy văn, lịch sử công tác thăm dò, đặc điểm địa chất khu vực, địa chất mỏ, địa chất công trình và địa chất thủy văn, trữ lượng địa chất đã được phê duyệt, đánh giá mức độ thăm dò và kiến nghị thăm dò bổ sung.

Chương 2. Hiện trạng mỏ

Mô tả hiện trạng về tài nguyên, khai thông, chuẩn bị khai trường, công nghệ khai thác, thông gió mỏ, vận tải mỏ, sàng tuyển quặng, phân xưởng sửa chữa, cung cấp điện, nước, tổng mặt bằng và các công trình trên mặt, tổ chức sản xuất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của 5 năm gần nhất (nếu có).

PHẦN II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Chương 3. Biên giới và trữ lượng mỏ

Biên giới mỏ: Nêu ra ít nhất 2 phương án biên giới mỏ để so sánh và lựa chọn. Nêu biên giới khai trường trên mặt, mức khai thác thấp nhất; kích thước khai trường theo đường phương (dài, rộng, diện tích, độ cao đáy mỏ).

Trữ lượng mỏ cần xác định: Trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động, trữ lượng công nghiệp.

Chương 4. Chế độ làm việc, công suất và thời gian tồn tại của mỏ

Chế độ làm việc của mỏ (đối với từng bộ phận: khai thác trực tiếp, gián tiếp, chế biến nếu có sự khác nhau) trên cơ sở số ngày làm việc, số ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động và điều kiện khai thác cụ thể của mỏ.

Công suất mỏ được xác định trên cơ sở tài nguyên huy động, số khu và lò chợ có thể khai thác đồng thời, công nghệ khai thác lựa chọn, khả năng áp dụng cơ giới hóa khai thác, khả năng đầu tư và tổ chức sản xuất của mỏ. Công suất mỏ được xác định theo quặng nguyên khai và tinh quặng hoặc quặng thương phẩm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án công suất mỏ để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và lựa chọn phương án tối ưu.

Thời gian tồn tại của mỏ xác định trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác được và công suất khai thác (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ, thời gian khai thác với công suất thiết kế và thời gian đóng cửa mỏ).

Chương 5. Khai thông

Luận giải mức mức khai thông khai trường. Nêu ít nhất 2 phương án về mức khai thông để lựa chọn.

Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án khai thông và so sánh lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật để chọn phương án có chỉ tiêu kỹ thuật ưu việt nhất (có thể nêu các phương án khai thông bằng các loại giếng nghiêng, giếng đứng hoặc giếng nghiêng và giếng đứng hỗn hợp). Các phương án khai thông cần mô tả, lập luận so sánh ưu nhược điểm. (lập bảng so sánh các chỉ tiêu như: vị trí mặt bằng cửa giếng, mặt bằng sân công nghiệp, độ sâu khai thác, phân chia khu khai thác, giải pháp khai thông, khối lượng đường lò khai thông). Tính toán, lập luận khả năng thông qua, chọn tiết diện, vật liệu chống của giếng. Chọn loại tiết diện, sân ga. Liệt kê các thông số của giếng chính, phụ.

Chương 6. Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác

Sơ đồ chuẩn bị khai trường (chia tầng, phân tầng, chia khoảnh). Phương án đào lò chuẩn bị (đào lò trong đá, đào lò trong thân quặng). Chiều dài khu khai thác, chiều dài lò chợ của các vỉa tham gia đạt công suất thiết kế và các khu, vỉa duy trì sản xuất. Khối lượng đường lò chuẩn bị của các phương án đến năm đạt công suất thiết kế theo các loại đường lò trong đá và trong vỉa hoặc thân quặng (lò bằng, lò nghiêng, giếng đứng, giếng nghiêng).

Lập luận về trình tự khai thác, lịch khai thác, lịch xây dựng cơ bản. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 7. Các giếng mỏ, sân ga, hầm trạm

Luận giải các vị trí để bố trí giếng mỏ, các giải pháp bố trí sân ga và hầm trạm. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Chương 8. Thiết bị nâng, vận tải qua giếng

Xác định các phương án công nghệ vận tải qua giếng hợp lý. Lập luận chọn loại, số lượng thiết bị nâng, vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở giếng nghiêng, giếng đứng, ở mức vận tải chính, vận tải phụ, mức vận tải trung gian trên cơ sở sơ đồ khai thông, chuẩn bị và công suất mỏ đã lựa chọn nhằm bảo đảm vận tải khoáng sản có ích, đất đá thải, vật liệu và người.

Chương 9. Hệ thống khai thác, cơ giới hóa khai thác và đào lò chuẩn bị

Luận giải để lựa chọn hệ thống khai thác hợp lý bảo đảm công suất khai thác thiết kế, tiết kiệm vật liệu chống, an toàn, phù hợp với điều kiện địa chất của vỉa, xác định phương tiện cơ giới hóa trong lò chợ. Thiết kế cần nêu ra ít nhất 2 phương án để so sánh lựa chọn.

Tính toán các thông số của hệ thống khai thác, luận giải, lựa chọn các phương tiện cơ giới hóa đào lò chuẩn bị, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị khai thác, đào lò.

Tổ chức đào lò (hộ chiếu chống lò, biểu đồ tổ chức) trong gương lò chợ, lò chuẩn bị. Điều khiển đá vách, khai thác, vận tải quặng trong lò. Công tác khoan - nổ mìn trong gương lò chợ, lò chuẩn bị (nếu có).

Chương 10. Vận tải trong mỏ

Xác định các phương án, công nghệ vận tải trong mỏ, vận tải trong lò hợp lý. Lập luận lựa chọn loại, mã hiệu, tính toán số lượng thiết bị vận chuyển (trục tải, trục skip, băng tải, máng cào, tàu điện) ở mức vận tải chính mức vận tải trung gian, trong lò bằng, lò nghiêng. Lựa chọn chủng loại gòong, số lượng gòong cần thiết cho vận chuyển (nếu sử dụng) khi mỏ đạt công suất.

Chương 11. Thông gió mỏ

Xác định cấp khí mỏ, lựa chọn sơ đồ và phương pháp thông gió, thông gió cho lò chợ, thông gió đào lò chuẩn bị, xác định lưu lượng gió cung cấp cho lò chợ khai thác theo các yếu tố, xác định lưu lượng và hạ áp mỏ giai đoạn thông gió khó khăn nhất. Lựa chọn quạt gió, công suất động cơ quạt, lựa chọn hợp lý chủng loại, số lượng quạt gió cho từng khu vực và toàn mỏ theo các giai đoạn phát triển trên cơ sở sơ đồ khai thông chuẩn bị và hệ thống khai thác của các phương án công nghệ mỏ, khối lượng công trình cần xây dựng phục vụ công việc thông gió.

Chương 12. Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp

Các biện pháp chống bụi nổ và khí nổ (nếu có), các biện pháp chống cháy mỏ, phòng chống nước mặt, chống bụi nước, phụt khí cho hệ thống lò.

Các phương án cấp cứu và cứu hỏa.

Chương 13. Tháo khô và thoát nước khai trường

Biện pháp tháo khô sơ bộ thân khoáng sàng (nếu cần thiết) và thoát nước hợp lý cho mỏ, lựa chọn bơm và sơ đồ thoát nước phù hợp với yêu cầu thoát nước bảo đảm cho hoạt động khai thác được an toàn. (Nêu các thông số cơ bản như: Lưu lượng nước cần thoát: Q_{\min} , Q_{tb} , Q_{\max} , Tính toán chọn máy bơm, chọn đường kính dẫn, lưu

lượng nước cần thoát, tính toán chọn máy bơm, chiều dài hầm bơm, chiều rộng hầm bơm. Trạm bơm chính, trạm bơm khu vực..v.v.).

Chương 14. Tổ hợp công nghệ trên mặt mỏ

Lựa chọn các giải pháp nhận khoáng sản đã được khai thác từ trong mỏ đưa ra và đưa khoáng sản ra đến điểm chuyển tải, vận tải đất đá ra bãi thải, vận chuyển vật liệu, người và thiết bị khai thác vào lò (kể cả vật liệu chèn lấp lò).

Chương 15. Công tác chế biến khoáng sản

Nêu đặc tính, chất lượng quặng nguyên khai của mỏ và yêu cầu chất lượng sản phẩm của các hộ tiêu thụ. Lập luận việc tổ chức nhà máy hoặc phân xưởng chế biến tại mỏ, hệ thống xử lý quặng, đá quá cỡ. Tính toán cân bằng và thu hồi sản phẩm. Kiểm tra khối lượng và chất lượng sản phẩm. Nêu ít nhất 2 phương án chế biến để so sánh lựa chọn.

Chương 16. Chèn lấp lò (nếu có)

Các giải pháp tổ chức chèn lấp lò từ khâu khai thác vật liệu, chuẩn bị vật liệu, đưa vật liệu vào lò và công nghệ chèn lấp, lựa chọn thiết bị và xác định khối lượng công trình liên quan đến việc chèn lấp lò.

Chương 17. Các phân xưởng phụ

Lựa chọn các công trình phụ trợ, chương trình sản xuất và quy mô xây dựng. Lựa chọn thiết bị của từng công trình phụ trợ thành phần (như của khối sửa chữa kho tàng, kho thiết bị, vật liệu, phụ tùng, dầu mỡ, kho thiết bị chống, thiết bị công kênh và xưởng gia công vì chống; của khối kiểm tu goòng và bôi trơn v.v...) nhằm đồng bộ dây chuyền sản xuất theo các phương án công nghệ mỏ lựa chọn.

Lập luận việc thành lập Phân xưởng sản xuất kinh doanh sản phẩm phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ

Chương 18. Cung cấp điện động lực và chiếu sáng

Tính toán các phụ tải điện và xác định các giải pháp cung cấp điện hợp lý. Tính toán trang thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp điện, chiếu sáng. Các chỉ tiêu về cung cấp điện và liệt kê trang thiết bị điện.

Chương 19. Thông tin liên lạc, tự động hóa

Xác định mức độ cần thiết, các giải pháp kỹ thuật, lựa chọn thiết bị, vật liệu và xác định khối lượng công việc xây dựng cho hệ thống thông tin liên lạc, tự động hóa và điều khiển máy móc thiết bị của mỏ, hệ thống cảnh báo khí mê tan.

Chương 20. Cung cấp khí nén

Xác định nhu cầu khí nén và chọn giải pháp cung cấp khí nén hợp lý.

Chương 21. Kiến trúc - xây dựng

Các giải pháp kiến trúc, xây dựng các công trình trên mặt đất và khối lượng các công trình. Các giải pháp phòng chống chữa cháy, thông gió, chiếu sáng và điều hoà nhiệt độ (nếu cần thiết), v.v...

Chương 22. Cung cấp nước và thải nước

Các giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy và thải các loại nước bẩn từ mỏ đi (nước trong lò chảy ra, nước sinh hoạt).

Chương 23. Tổng mặt bằng, vận tải ngoài mỏ

Các giải pháp bố trí tổng mặt bằng, các giải pháp vận tải trong phạm vi mặt bằng mỏ và vận tải ngoài mỏ. Các công trình phục vụ vận tải. Các công trình xây dựng cảnh quan, sinh thái trên mặt bằng (cây xanh, hồ nước).

Chương 24. Tổ chức xây dựng

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình trên mặt mỏ như: xây lắp thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, nguồn cung cấp. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Phương án tổ chức xây dựng các hạng mục công trình hầm lò: công tác xây lắp, thiết bị và nhân lực thi công, đơn vị thi công, cung cấp vật liệu xây dựng, cung cấp điện nước, thời gian thi công. Khối lượng xây lắp hầm lò. Các giải pháp kỹ thuật thi công như: công nghệ đào, chống lò, thông gió, cung cấp khí nén, cung cấp nước, cung cấp điện thi công. Vận tải đất đá trong lò và thải đá. Thời gian xây dựng và tiến độ đầu tư.

Chương 25. Bảo vệ môi trường và khôi phục môi sinh

Chương này nêu tóm tắt nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Dự án cần lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định hiện hành thành bộ hồ sơ riêng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương 26. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

Nêu sơ đồ quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Biên chế, năng suất lao động cho từng bộ phận sản xuất trực tiếp, bộ phận gián tiếp, sản xuất kinh doanh phụ khác gắn liền với sản phẩm khai thác chính của mỏ.

Chương 27. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Khối lượng công tác giải phóng mặt bằng (diện tích giải phóng, khối lượng công trình phải đền bù: nhà, mồ mả, công trình khác và cây cối hoa màu)

Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Bảng liệt kê công trình xây dựng và thiết bị chủ yếu của thiết kế**Bảng chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của thiết kế**

B. BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ MỎ HÀM LÒ

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 và 1/50.000)	
2	Các bản đồ địa chất có lộ vỉa, tính trữ lượng, mặt cắt địa chất điển hình, cột địa tầng, thiết đồ lỗ khoan điển hình.	
3	Biên giới khai trường các phương án và vị trí các cửa lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
4	Sơ đồ khai thông các phương án: Bình đồ các mức khai thác, mở vỉa đứng, mặt cắt qua giếng, mặt cắt qua xuyên vỉa chính (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
5	Sơ đồ hệ thống đường lò chuẩn bị các vỉa đầu tư XD CB ban đầu (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000 và 1/5.000)	
6	Sơ đồ tổng hợp các đường lò (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
7	Lịch đào lò xây dựng cơ bản: Tên các đường lò, chiều dài than, đá, tiết diện đào chống, khối tích, tiến độ, thời gian thi công	
8	Lịch khai thác (trữ lượng địa chất, công nghiệp, công suất lò chợ, thời gian huy động)	
9	Bản vẽ sơ đồ giếng mỏ, sân ga, hầm trạm	
10	Bản vẽ sơ đồ hệ thống khai thác có các biểu đồ tổ chức công việc, biểu đồ nhân lực, các chỉ tiêu kỹ thuật (tỷ lệ 1/200)	
11	Bản vẽ bố trí mặt bằng công nghệ (thiết bị) các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản	
12	Sơ đồ dây chuyền công nghệ trên mặt	
13	Bản vẽ mặt bằng, mặt cắt các công trình kiến trúc (đối với các nhà xưởng, nhà máy chế biến khoáng sản có thể phối hợp phân công nghệ với kiến trúc)	
14	Sơ đồ nguyên lý thông tin liên lạc, tự động hóa điều khiển, cung cấp điện, nước, khí nén	
15	Bản đồ mặt bằng sân công nghiệp (tỷ lệ 1/500 hoặc 1/1.000 và 1/2.000) có thể hiện các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật hạ tầng (điện, nước, thông tin liên lạc)	
16	Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình của các tuyến thuộc hệ thống vận tải	
17	Mặt bằng bố trí các công trình môi trường (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)	
18	Bản đồ Tổng mặt bằng toàn mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), thể hiện tất cả các hạng mục công trình, mạng kỹ thuật hạ tầng.	

(Xem tiếp Công báo số 265 + 266)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng